

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ CHẤT LƯỢNG

*Đinh Văn Tiến **

*Trần Đức Hiếu ***

1. Mở đầu

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và kiểm định chất lượng (KĐCL) giáo dục đại học, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (HUBT) là một trong những trường đại học ngoài công lập đầu tiên triển khai thực hiện Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá toàn bộ hoạt động của một cơ sở giáo dục đại học theo 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí được quy thành 04 nhóm:

1) ĐBCL về mặt chiến lược (08 tiêu chuẩn, 37 tiêu chí).

2) ĐBCL về mặt hệ thống (04 tiêu chuẩn, 19 tiêu chí).

3) ĐBCL về mặt thực hiện chức năng (09 tiêu chuẩn, 39 tiêu chí).

4) Kết quả (04 tiêu chuẩn, 16 tiêu chí).

Bộ tiêu chuẩn kiểm định mới này được xây dựng dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục do Mạng lưới ĐBCL các trường đại học ASEAN - phiên bản 2.0 (2016) ban hành theo hướng tiếp cận khu vực và quốc tế.

2. Chất lượng của cơ sở giáo dục đại học và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

2.1. Chất lượng của cơ sở giáo dục đại học

Tổ chức ĐBCL giáo dục đại học quốc tế (INQAAHE - International Network of Quality Assurance Agencies in Higher Education) đã đưa ra hai định nghĩa về chất lượng giáo dục đại học: (i) “Tuân theo các chuẩn quy định” và (ii) “Đạt được các mục tiêu đề ra” [7]. Theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chất lượng của cơ sở giáo dục đại học là sự đáp ứng mục tiêu do cơ sở giáo dục đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước [5].

2.2. Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

ĐBCL giáo dục đại học là các quy trình quản lý và đánh giá một cách có hệ thống nhằm giám sát hoạt động của các trường/tổ chức giáo dục đại học, ĐBCL đầu ra và cải tiến chất lượng. Theo tổ chức SEAMEO

* Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học KD&CN Hà Nội.

** Phó Trưởng phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học KD&CN Hà Nội.

thì ĐBCL giáo dục là những quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, hành động, công cụ, quy trình, thủ tục mà thông qua sự hiện diện và sử dụng chúng có thể đảm bảo rằng sứ mạng và mục tiêu giáo dục được thực hiện, các chuẩn mực đang được duy trì và nâng cao [12].

Hệ thống ĐBCL giáo dục đại học gồm các thành phần:

- ĐBCL bên trong là tổng thể các hệ thống, nguồn lực và thông tin được sử dụng để thiết lập, duy trì và cải tiến chất lượng cũng như các tiêu chuẩn liên quan đến hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Các cơ chế giám sát trong hệ thống ĐBCL bên trong được vận hành nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đại học;

- ĐBCL bên ngoài là hoạt động do tổ chức bên ngoài cơ sở giáo dục triển khai, thực hiện đánh giá hoạt động của cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo để xác định cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo có đáp ứng các tiêu chuẩn đã thống nhất, xác định từ trước hay không [11].

Như vậy, hệ thống ĐBCL giáo dục đại học có thể được khái quát như sau: ĐBCL bên trong bao gồm hoạt động giám sát, tự đánh giá và cải thiện chất lượng; trong khi đó, hình thức của ĐBCL bên ngoài gồm việc thực hiện đối sánh, kiểm toán, đánh giá - kiểm định. Mặc dù có sự khác biệt trong hoạt động, nhưng cả ĐBCL bên trong và ĐBCL bên ngoài đều cùng hướng đến mục tiêu chung là cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng đào tạo. Cơ sở để triển khai các hoạt động này là sự lãnh đạo hiệu quả và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

3. Kiểm định chất lượng giáo dục đại học và vai trò của kiểm định chất lượng giáo dục

3.1. Kiểm định chất lượng giáo dục

KĐCL (kiểm định – tiếng Anh - Mỹ: Accreditation, tiếng Anh – Anh: Recognition.) là quá trình đánh giá ngoài nhằm đưa ra một quyết định công nhận một cơ sở đại học hay một chương trình đào tạo của cơ sở đại học đáp ứng các chuẩn mực quy định (SEAMEO, 2003). Việc đánh giá không nhằm mục đích đưa ra một quyết định công nhận thì không phải là KĐCL.

Theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, KĐCL cơ sở giáo dục đại học là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3.2. Vai trò của kiểm định chất lượng giáo dục

1) KĐCL giáo dục giúp các cơ sở giáo dục đại học *có cơ hội xem xét lại toàn bộ hoạt động của mình một cách có hệ thống để điều chỉnh các hoạt động theo một chuẩn mực nhất định*. Đã có nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng, như chất lượng được đánh giá bằng yếu tố “đầu vào”, “đầu ra” hay bởi “giá trị gia tăng”... Tuy nhiên, để đánh giá chính xác chất lượng của một cơ sở giáo dục, không thể chỉ xem xét ở một khía cạnh về chất lượng đầu vào hay đầu ra, mà cần có cái nhìn tổng thể về toàn bộ hoạt động của cơ sở. Đó chính là vai trò của kiểm định, bản thân KĐCL không tạo ra chất lượng ngay cho mỗi cơ sở, mà là tấm gương phản ánh toàn bộ

thực trạng của cơ sở, giúp các nhà quản lý nhìn nhận những mặt mạnh, mặt yếu của đơn vị mình để từ đó có bước hành động tiếp theo phù hợp.

2) KĐCL giúp các cơ sở giáo dục đại học *định hướng và xác định chuẩn chất lượng cho từng hoạt động*. Chuẩn mực chất lượng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017, gồm 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí với những yêu cầu cụ thể mà các cơ sở giáo dục đại học cần phải đạt để ĐBCL toàn diện. Việc phân tích, mô tả hiện trạng, tìm ra điểm mạnh, điểm yếu, đồng thời lập kế hoạch hành động, đề ra các giải pháp giải quyết và định hướng phát triển cho giai đoạn tiếp theo của cơ sở đó.

3) KĐCL giáo dục là *lời tuyên bố chắc chắn tới các bên liên quan về hiện trạng chất lượng của cơ sở đại học*. Trước tiên, việc tự nguyện đăng ký kiểm định được xem là lời cam kết về chất lượng đào tạo mà cơ sở giáo dục mang lại cho người học và các bên liên quan khác: nhà tuyển dụng, các đối tác, xã hội. Thêm vào đó, hoạt động đánh giá ngoài được thực hiện thông qua bên thứ ba là các chuyên gia có kinh nghiệm trong đào tạo, nghiên cứu và quản lý giáo dục đại học, có thể kiểm định viên KĐCL giáo dục, sẽ mang tính khách quan cao trong việc công nhận chất lượng của cơ sở giáo dục đại học. Vì vậy, kết quả kiểm định cung cấp cho các bên liên quan những thông tin kịp thời, chính xác để xác nhận chất lượng đào tạo của cơ sở đại học, từ đó có cơ sở lựa chọn các dịch vụ phù hợp.

4) KĐCL giáo dục *tạo tiền đề xây dựng văn hoá chất lượng cho cơ sở giáo dục*. Hoạt động KĐCL dựa trên các chỉ số, các chuẩn mực để đánh giá, do đó, sẽ giúp mỗi thành viên của cơ sở giáo dục hiểu rõ hơn công việc của mình và của những người liên quan làm thế nào để đạt chất lượng. Nhờ đó, họ có thể chủ động không ngừng nâng cao chất lượng công việc của mình, góp phần cùng cơ sở hành động theo chất lượng. Khi đó văn hóa chất lượng sẽ dần hình thành tại cơ sở giáo dục đại học.

4. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

Ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 07/9/2017, HUBT đã ra Quyết định số 168/QĐ-TCCB thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gồm 11 thành viên do Hiệu trưởng, GS. Trần Phương làm Chủ tịch và Phó Hiệu trưởng, GS.TS. Đinh Văn Tiến làm Phó Chủ tịch thường trực. Trong quá trình thực hiện, trường đã bổ sung thêm vào Hội đồng 4 thành viên (QĐ 278/QĐ-BGH, ngày 03/10/2017). Hội đồng có Tổ Thư ký giúp việc gồm 11 thành viên. Hội đồng thành lập 10 nhóm chuyên trách để thu thập minh chứng, xây dựng báo cáo tự đánh giá.

Những năm qua, song hành với quá trình tự đánh giá chất lượng giáo dục, HUBT đã cải tiến chất lượng trên tất cả các mặt hoạt động. Cụ thể là:

Về *đào tạo*, trường đã ban hành Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các văn bản hướng dẫn, đưa ra quy

trình các bước trong xây dựng/cập nhật chương trình đào tạo, xây dựng/cập nhật đề cương chi tiết học phần (thực hiện theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 và được thay thế bằng Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị nhằm từng bước hoàn thiện phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Về *ngiên cứu khoa học*, Trường thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo, ban hành Quy chế Nghiên cứu khoa học, Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ,..., đã tạo điều kiện để các đơn vị/cá nhân triển khai được nhiều đề tài nghiên cứu.

Về *ĐBCL*, Trường ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng HUBT, Quy định về so chuẩn và đối sánh chất lượng, thành lập Ban ĐBCL với mạng lưới (95 người) đến tận các đơn vị trong toàn trường; các hoạt động ĐBCL từng bước đi vào nề nếp.

Về *kết nối và phục vụ cộng đồng*, Trường thành lập Ban Công tác phục vụ cộng đồng, triển khai các hoạt động thể hiện HUBT là đầu tàu dẫn dắt trong nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng 4.0, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách phát triển cho các cơ quan quản lý; phối hợp với các tập đoàn, doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kết nối và triển khai các hoạt động thiện nguyện phục vụ cộng đồng. Trong thời gian xảy ra dịch Covid-19 vừa qua, Trường đã cử hơn 200 cán bộ, giảng viên và sinh viên Khối Sức khỏe tham gia tuyến đầu chống dịch; đã đóng góp

500 triệu đồng vào Quỹ vắc-xin phòng, chống Covid-19 Việt Nam; hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Từ Sơn 25 ngàn khẩu trang và 12 ngàn chai nước uống,...

5. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và một số khuyến nghị nhằm phát triển văn hoá chất lượng HUBT

5.1. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục tại HUBT

Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam đã thực hiện khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức tại HUBT trong tháng 7 và tháng 9/2021 một cách chuyên nghiệp, công tâm, khách quan và trách nhiệm. Trong báo cáo kết quả đánh giá, Đoàn đã chỉ ra 113 điểm mạnh và 82 khuyến nghị. Đây là cơ sở để HUBT xây dựng kế hoạch hành động nhằm không ngừng cải tiến chất lượng, nâng vị thế HUBT lên tầm cao mới.

5.2. Một số khuyến nghị nhằm phát triển văn hoá chất lượng HUBT

Để phát triển văn hóa chất lượng HUBT, xin nêu một số khuyến nghị cụ thể như sau:

Thứ nhất, phải hình thành một hệ thống ĐBCL bên trong thật vững mạnh. Hệ thống ĐBCL bên trong về cơ bản bao gồm: công cụ giám sát (giám sát chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu), công cụ đánh giá (đánh giá người học, quy trình tổ chức đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ), công cụ duy trì các điều kiện ĐBCL (nhân lực, cơ sở vật chất, hệ thống hỗ trợ người

học), cũng như các công cụ phân tích, đánh giá, đối sánh chất lượng; các quy trình, hệ thống văn bản chính sách về: chất lượng, hệ thống thông tin ĐBCL, bộ máy nhân sự để thực hiện hoạt động ĐBCL chuyên nghiệp. Đây là những vấn đề HUBT cần hết sức quan tâm và có kế hoạch triển khai phù hợp. Việc thực hiện nên có triết lý, mục tiêu rõ ràng, hướng đến hình thành văn hóa chất lượng bền vững tại HUBT; chất lượng nên là chủ đề quan tâm hàng đầu của cấp lãnh đạo cho tới mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học tại HUBT.

Thứ hai, phải có sự quan tâm và đầu tư nghiêm túc về cải tiến chất lượng (các hoạt động sau tự đánh giá và đánh giá ngoài). Có một thực trạng khá phổ biến hiện nay là nhiều trường đại học thực hiện kiểm định mang tính hình thức, với mục tiêu chủ yếu là có giấy chứng nhận KĐCL. Tuy nhiên, mục tiêu cuối cùng của kiểm định không phải là có được giấy chứng nhận, mà là giúp đơn vị nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu của mình và đưa ra những khuyến cáo về giải pháp để khắc phục, xử lý những tồn tại, từ đó, giúp đơn vị cải tiến chất lượng đào tạo, cũng như các mặt hoạt động khác của

mình. Nếu không có cải tiến chất lượng, chỉ “bắt mạch” mà không nghiêm túc “chữa bệnh”, thì không thể có văn hóa chất lượng.

Thứ ba, cần xây dựng hệ thống chính sách với các chỉ số, chỉ báo gắn với chất lượng trong các kế hoạch chiến lược phát triển của trường. Cụ thể hơn, là cần thúc đẩy mô hình quản trị theo mục tiêu, quản trị chất lượng, hơn là quản trị quy trình trong vận hành trường. Việc xây dựng chiến lược với bộ chỉ số, chỉ báo cụ thể về mặt chất lượng sẽ giúp trường tập trung được nguồn lực phát triển và bám sát định hướng phát triển. Chẳng hạn, thay vì chỉ dừng ở các chỉ tiêu mang tính giải pháp, như số lượng phòng thí nghiệm được xây dựng, số lượng sách báo, tạp chí sẽ mua, số lượng nhóm nghiên cứu được thành lập,..., thì trường nên lưu ý đến các chỉ số thể hiện khía cạnh chất lượng, như tỷ lệ giảng viên/sinh viên, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, tỷ lệ kinh phí thu hút từ doanh nghiệp cho hoạt động nghiên cứu, mức độ gia tăng của các chỉ số về công bố khoa học, quốc tế hóa, mức độ gia tăng của các chỉ số về chuyển giao tri thức và công nghệ,.../.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng CSVN (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). *Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp*

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Quy định về kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ*
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học*
6. Chính phủ (2019). *Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*
7. INQAAHE (2005). *Guidelines of good practice*. Available at <http://www.inqaahe.org>
8. Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (2016). *Hướng dẫn đánh giá cơ sở giáo dục của mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN - phiên bản 2.0*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (Tạ Thị Thu Hiền và nhóm cộng sự biên dịch)
9. Nguyễn Đức Chính, Trần Xuân Bách, Trần Thị Thanh Phương (2017). *Quản lý chất lượng trong giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam
10. Nguyễn Tiến Công, Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Thị Thanh Nhật (2019). *Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục ở Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay - Một số kinh nghiệm và kiến nghị*. Tạp chí Giáo dục, số 460, tr 1-6
11. Sanyal, B. C., Martin, M. (2007). *Quality assurance and the role of accreditation: An overview. Report: Higher Education in the World 2007: Accreditation for Quality Assurance: What is at Stake*
12. SEAMEO (1999). *Quality Assurance for Higher Education in Asia and the Pacific*, Bangkok: SEAMEO Regional Centre for Higher Education and Development
13. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx>